



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2012

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

05 - 06

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

07 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

11 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 ngày 31 tháng 05 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 31/05/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **50.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: bán buôn phương tiện vận tải, các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu, thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Khai thác quặng kim loại (Chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê ô tô; cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 868 243 Fax: (84 - 4) 3 868 243

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2012 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đăng Lanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đại	Thành viên
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó giám đốc
Ông Hoàng Công Tuấn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc
Ông Vũ Hùng	Phó giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9



Nguyễn Công Hùng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013



Số : 44...-13/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 được lập ngày 18 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2012:

- a, Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- b, Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Tuy nhiên chúng tôi xin lưu ý đến người đọc BCTC:

Như đã trình bày tại mục 12 phần IV của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, giá vốn hoạt động xây dựng được xác định bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + chi phí phát sinh trong kỳ - chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ. Tuy nhiên, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ từng công trình đang được Công ty ghi nhận ước tính khoảng 85% đến hơn 90% sản lượng dở dang cuối kỳ của từng công trình.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 giữ năm (05) bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ một (01) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Dương Thúy Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1213/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		113.502.789.465	102.723.403.297
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	12.081.485.244	10.423.601.767
1 Tiền	111		7.081.485.244	5.423.601.767
2 Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	874.648.800
1 Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.581.010.000
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.706.361.200)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.027.957.905	44.464.950.626
1 Phải thu của khách hàng	131	VII.2.1	41.301.193.133	41.042.429.587
2 Trả trước cho người bán	132	VII.2.2	2.035.811.526	1.380.359.718
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	1.690.953.246	2.042.161.321
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV Hàng tồn kho	140		53.907.561.433	45.134.450.551
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	53.907.561.433	45.134.450.551
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.485.784.883	1.825.751.553
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	24.986.987
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.2.3	2.485.784.883	1.800.764.566
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		44.843.289.924	43.595.484.257
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		44.041.116.652	42.661.083.948
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	41.815.049.912	42.661.083.948
- Nguyên giá	222		62.506.226.114	59.700.739.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.691.176.202)	(17.039.655.724)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	2.226.066.740	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		802.173.272	934.400.309
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	802.173.272	934.400.309
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		158.346.079.389	146.318.887.554

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 28 trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

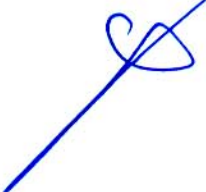
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		99.864.001.560	91.517.752.785
I Nợ ngắn hạn	310		88.669.107.924	79.615.460.785
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	32.062.986.538	16.366.527.970
2 Phải trả người bán	312	VII.2.4	7.172.614.479	26.306.218.768
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.2.5	31.600.837.837	29.959.820.965
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	7.363.498.650	1.980.672.501
5 Phải trả người lao động	315		6.923.100.201	2.725.542.026
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	194.933.804	38.716.328
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	3.213.375.181	2.176.752.696
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321		137.761.234	61.209.531
II Nợ dài hạn	330		11.194.893.636	11.902.292.000
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	11.194.893.636	11.902.292.000
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		58.482.077.829	54.801.134.769
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	58.482.077.829	54.801.134.769
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	49.195.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		644.512.439	205.684.061
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		270.835.704	51.421.015
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.566.729.686	5.349.029.693
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		158.346.079.389	146.318.887.554

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Kim Sơn



Nguyễn Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 28 trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	182.774.239.553	95.969.313.367
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.15.	162.139.084	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01- 02)	10	VI.16.	182.612.100.469	95.969.313.367
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.17.	156.282.121.978	79.345.535.703
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.329.978.491	16.623.777.664
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18.	250.952.506	259.661.156
7 Chi phí tài chính	22	VI.19.	5.439.319.496	4.314.892.233
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.907.576.296	3.502.908.233
8 Chi phí bán hàng	24		521.310.698	37.083.333
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.2.6	11.608.162.854	6.421.388.289
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		9.012.137.949	6.110.074.965
11 Thu nhập khác	31	VII.2.7	496.954.455	141.396.150
12 Chi phí khác	32	VII.2.8	461.178.568	33.704.789
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		35.775.887	107.691.361
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.047.913.836	6.217.766.326
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.20.	1.615.308.073	1.559.482.544
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.432.605.763	4.658.283.782
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22.	1.515	956

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Kế toán trưởng



Trần Kim Sơn

Giám đốc



Nguyễn Công Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		150.044.633.656	87.287.137.496
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(129.150.867.276)	(84.961.855.680)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.066.002.326)	(8.029.213.133)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(4.727.408.623)	(3.502.908.233)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(136.230.912)	(4.027.809)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.331.768.750	5.388.977.228
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.629.520.562)	(7.651.695.033)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.333.627.293)	(11.473.585.164)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TSDH khác	21		(5.007.901.940)	(112.617.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22		506.700.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		343.300.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		250.952.506	259.661.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.906.949.434)	147.043.792
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		805.000.000	670.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		68.970.768.973	32.838.066.594
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53.981.708.769)	(13.630.184.078)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.895.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13.898.460.204	19.877.882.516
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.657.883.477	8.551.341.144
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.423.601.767	1.872.260.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	12.081.485.244	10.423.601.767

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Giám đốc

Kế toán trưởng



Trần Kim Sơn



Nguyễn Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 11 đến 28 trang là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500574676 ngày 31 tháng 05 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 31/05/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là **50.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220KV; Hoạt động xây dựng chuyên dụng;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: bán buôn phương tiện vận tải, các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu, thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Khai thác quặng kim loại (Chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê ô tô; cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội
Tel: (84 - 4) 3 868 243 Fax: (84 - 4) 3 868 243

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC này.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Sông Đà.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa vật kiến trúc	40
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

4.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán;

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí thuê ca máy và chi phí lãi ngân hàng phải trả, thực tế chưa được chi nhưng được xác định để ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào phiếu giá thanh toán khối lượng ca máy và hợp đồng vay và thời gian thực tế.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng hóa và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo chia cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ do bán chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng của bên bán.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

11.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng được ghi nhận căn cứ theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

11.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn dưới 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

11.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo hướng dẫn tại Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định theo công thức sau:

Giá vốn trong kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + chi phí phát sinh trong kỳ - chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.

Trong đó: Chi phí SXKD dở dang của từng công trình được Công ty xác định trong khoảng từ 85% đến hơn 90% sản lượng dở dang cuối kỳ.

(Sản lượng dở dang cuối kỳ được căn cứ theo Biên bản kiểm kê xác định khối lượng dở dang tại 31/12/2012).

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	145.326.963	58.067.766
Tiền gửi ngân hàng	6.936.158.281	5.365.534.001
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quang Trung	-	3.226.883
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	6.689.622.097	5.263.920.861
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long	2.070.762	2.155.859
Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	25.539.115	16.363.734
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	211.944.540	76.545.966
Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch	457.372	457.372
Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.033.200	1.018.600
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - PGD Nguyễn An Ninh	-	825.126
Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	986.900	1.019.600
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	4.504.295	-
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng)	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng cộng	12.081.485.244	10.423.601.767

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu VND	Cổ phiếu VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	36.200
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	2.832
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
		1.706.361.200

(*) Lý do thay đổi: Giảm do bán cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu người lao động	338.231.658	67.829.544
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	54.614.697	25.303.087
Bảo hiểm thất nghiệp	6.463.065	5.356.825
Bảo hiểm thân thể	-	523.800
Điện thoại quá quy định	4.603.896	1.468.832
Tiền ăn của CBCNV tại công ty	272.550.000	35.177.000
Phải thu khác	1.352.721.588	1.974.331.777
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	172.481.544
Chi nhánh Sông Đà 905	-	28.646.643
Chi nhánh Sông Đà 902	30.371.378	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	-	18.680.646
Công ty TNHH MTV Sông Đà 705	8.101.689	8.939.344
Công ty CP TM Hanh Hương	-	64.575.075
DNXD TN Thanh Bình - Tiền dầu	-	1.614.939.640
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	58.333.333
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tuấn Yên	355.023.315	-
Công ty CP DVC Việt Nam	482.644.336	-
HTX vận tải XD Đức Thịnh	-	7.735.552
Công ty TNHH Đại Minh	36.238.896	-
Công ty CP Licogi 13	13.603.637	-
Các đối tượng khác	426.738.337	-
Tổng cộng	1.690.953.246	2.042.161.321
4. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.134.640.422	2.180.396.501
Công cụ, dụng cụ	833.874	833.874
Vật liệu gia công cơ khí	833.874	833.874
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.772.087.137	42.186.086.196
Thủy điện Xekaman3	385.565.851	385.565.851
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	3.911.321.040	13.144.416.443
Công trình Nhà xưởng Hội Quảng	39.338.397	39.338.397
Công trình Thủy điện Nậm Khánh	426.392.116	426.081.251
Công trình Đường dây 110KVA	2.850.866.395	301.471.698
Công trình San nền phụ trợ Lai Châu	16.358.614.645	20.284.920.277
Công trình Nhiệt điện Vũng Áng	2.863.517.444	2.863.517.444
Công trình nhiệt điện Long Phú	2.757.785.022	2.450.484.869
Công trình Thủy điện Trung Sơn	10.472.555.702	-
Công trình đường thủy Bắc Bộ	1.906.150.316	-
Các công trình khác	5.799.980.209	2.290.289.966
Hàng gửi bán	-	767.133.980
Cộng giá gốc hàng tồn kho	53.907.561.433	45.134.450.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 868 243 Fax: (84 - 4) 3 868 243

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính 2012

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	11.221.128.927	26.691.750.118	21.194.581.390	593.279.237	59.700.739.672
Mua trong năm	-	2.742.897.394	1.591.198.109	85.923.273	4.420.018.776
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(611.717.644)	(1.002.814.690)	-	(1.614.532.334)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	11.221.128.927	28.822.929.868	21.782.964.809	679.202.510	62.506.226.114
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	5.114.995.896	8.513.524.361	3.274.558.156	136.577.311	17.039.655.724
Khấu hao trong năm	280.528.224	2.399.565.418	2.220.489.941	106.090.422	5.006.674.005
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(608.623.140)	(746.530.387)	-	(1.355.153.527)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2012	5.395.524.120	10.304.466.639	4.748.517.710	242.667.733	20.691.176.202
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2012	6.106.133.031	18.178.225.757	17.920.023.234	456.701.926	42.661.083.948
Tại ngày 31/12/2012	5.825.604.807	18.518.463.229	17.034.447.099	436.534.777	41.815.049.912

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.167.806.593 đồng

- Giá trị còn lại của TSCĐ mang đi cầm cố, thế chấp với Ngân hàng: 28.013.042.897 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.938.660.000	-
Chi phí xây dựng VP tại Đà Nẵng	287.406.740	-
Tổng cộng	2.226.066.740	-
7. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	364.017.951	429.643.704
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	438.155.321	504.756.605
Tổng cộng	802.173.272	934.400.309
8. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	27.774.944.538	12.728.485.970
Ngân hàng BIDV Hà Tây (1)	26.774.944.538	8.806.044.922
Ngân hàng Agribank CN Hùng Vương	-	2.522.441.048
Vay cá nhân (2)	1.000.000.000	1.400.000.000
Trần Kim Sơn	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Chính Đại	-	300.000.000
Đào Gia Thắng	200.000.000	300.000.000
Nguyễn Thanh Hải	-	300.000.000
Trần Nhân Nghĩa	300.000.000	200.000.000
Nguyễn Công Hòa	200.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.288.042.000	3.638.042.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	3.246.000.000	2.596.000.000
Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam - CN Hùng Vương	1.042.042.000	1.042.042.000
Tổng cộng	32.062.986.538	16.366.527.970

(1) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 20/06/2012, số tiền vay 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng chẵn), thời gian vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Thời hạn rút vốn của Hợp đồng: đến hết ngày 30/06/2013. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

(2) Vay cá nhân được huy động để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi vay được tính theo lãi suất huy động đồng Việt nam của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại từng thời điểm vay vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Thuế GTGT đầu ra	-	3.091.864.635	-	3.091.864.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.942.936.170	1.615.308.073	136.230.912	3.422.013.331
Thuế thu nhập cá nhân	37.736.331	280.842.080	13.235.812	305.342.599
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	434.689.450	-	434.689.450
Các loại thuế khác	-	112.588.635	3.000.000	109.588.635
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.980.672.501			7.363.498.650

10. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trích trước vào chi phí	194.933.804	38.716.328
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	83.340.977	32.125.644
Công ty CP Sông Đà 11- Chi phí tiền điện	6.590.684	6.590.684
Chi phí thuê máy ủi D6R	105.002.143	-
Tổng cộng	194.933.804	38.716.328

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	247.587.279	52.081.348
Bảo hiểm xã hội, y tế	1.129.143.564	448.622.194
Bảo hiểm thất nghiệp	31.884.034	9.529.562
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.804.760.304	1.666.519.592
Quỹ tình đồng nghiệp Sông Đà	44.854.084	31.187.989
Công ty Cổ phần La Ca	692.184.333	692.184.333
Công ty TNHH Nguyên Thành	-	757.298.727
Đoàn phí Công Đoàn	103.432.710	26.047.859
Lãi huy động vốn của CBCNV	-	6.540.000
Cổ tức phải trả	821.745.862	-
Phải trả phải nộp khác	142.543.315	153.260.684
Tổng cộng	3.213.375.181	2.176.752.696

12. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	11.194.893.636	11.902.292.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây (1)	8.589.793.636	8.255.150.000
Ngân hàng NNo & PTNT Việt Nam - CN Hùng Vương (2)	2.605.100.000	3.647.142.000
Tổng cộng	11.194.893.636	11.902.292.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2012****(tiếp theo)**

(1) Vay tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây gồm:

- Vay đầu tư 02 máy xúc: Hợp đồng vay số 01/2010/HĐ ngày 16/12/2010 + Phụ lục điều chỉnh bổ sung hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2010/HĐ ngày 16/12/2012, thời gian vay 60 tháng, lãi suất vay 19%/năm. Tài sản đảm bảo là 02 máy xúc đào thủy lực Kobelco

- Vay đầu tư 05 xe ô tô Hyundai: Hợp đồng vay số 02/2010 ngày 16/12/2010, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 17%/năm. Tài sản đảm bảo là 05 xe Hyundai

- Vay đầu tư 02 máy lu XCMG + 02 máy ủi SD16L + 05 xe Hyundai: Hợp đồng số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011, thời gian vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là 02 xe lu rung XCMG, 02 máy ủi SD16L, 05 xe Hyundai. Lãi suất được điều chỉnh vào đầu mỗi quý và hiện tại Ngân hàng BIDV đang áp dụng tại ngày 31/12/2012 lãi suất là 15%/năm

(2) Vay theo Hợp đồng tín dụng số 1482 LAU201000624 ngày 30/12/2010, thời gian vay 60 tháng. Tài sản đảm bảo là 02 máy xúc đào thủy lực Kobelco SK330-8. Lãi suất được điều chỉnh vào đầu mỗi quý và hiện tại Ngân hàng Agribank CN Hùng Vương đang áp dụng tại ngày 31/12/2012 lãi suất là 15%/năm.

13. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	48.525.000.000	1.158.623.671	49.683.623.671
Tăng vốn trong năm trước	670.000.000	-	670.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	4.658.283.782	4.658.283.782
Giảm khác	-	467.877.760	467.877.760
Số dư tại ngày 31/12/2011	49.195.000.000	5.349.029.693	54.544.029.693
Tăng vốn trong năm nay	805.000.000	-	805.000.000
Lãi trong năm nay	-	7.432.605.763	7.432.605.763
Giảm khác	-	(5.214.905.770)	(5.214.905.770)
Số dư tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	7.566.729.686	57.566.729.686
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2012	01/01/2012	
	VND	VND	
Vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 9	25.500.000.000	25.500.000.000	
Vốn góp của các đối tượng khác	24.500.000.000	23.695.000.000	
Cộng	50.000.000.000	49.195.000.000	

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	49.195.000.000
Vốn góp đầu năm	49.195.000.000	49.195.000.000
Vốn góp tăng trong năm	805.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	49.195.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

đ) Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	01/01/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	4.919.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	4.919.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	4.919.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	4.919.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

f) Các quỹ của công ty

	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2012
Quỹ đầu tư phát triển	205.684.061	438.828.378	-	644.512.439
Quỹ dự phòng tài chính	51.421.015	219.414.689	-	270.835.704
Tổng cộng	257.105.076	658.243.067	-	915.348.143

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu xây lắp	150.410.527.408	89.684.343.051
Công trình nhà máy Xi măng Hạ Long	8.944.814.410	-
Công trình Nậm Khánh	-	28.715.840.513
Công trình Hòa Na	-	2.260.557.118
Xây dựng nhà xưởng giai đoạn II	-	2.686.020.909
Công trình Nhiệt điện Vũng Áng	-	33.897.702.359
Công trình Thủy Điện Lai Châu	126.712.673.644	22.124.222.152
Công trình Thủy Điện Trung Sơn	14.708.913.197	-
Gia công lắp dựng cầu Huổi Mong	44.126.157	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.388.301.563	2.266.870.531
Cung cấp điện	744.965.680	1.021.303.259
Gia công, chế tạo cơ khí nhỏ, sửa chữa xe, máy	2.643.335.883	1.245.567.272
Doanh thu bán hàng hóa	28.975.410.582	4.018.099.785
Nhiên liệu, vật tư, sắm, lắp	28.975.410.582	4.018.099.785
Tổng cộng	182.774.239.553	95.969.313.367

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012
(tiếp theo)

15. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	162.139.084	-
Tổng cộng	162.139.084	-
16. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động xây lắp	150.410.527.408	89.684.343.051
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.388.301.563	2.266.870.531
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	28.813.271.498	4.018.099.785
Tổng cộng	182.612.100.469	95.969.313.367
17. Giá vốn hàng bán	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
<i>Giá vốn hoạt động xây lắp</i>	<i>127.888.375.183</i>	<i>74.053.089.111</i>
Công trình nhà máy Xi măng Hạ Long	8.944.814.410	-
Công trình Nậm Khánh	-	24.622.025.091
Công trình Hòa Na	-	1.416.321.826
Xây dựng nhà xưởng giai đoạn II	-	2.428.302.957
Công trình Nhiệt điện Vũng Áng	-	25.764.680.567
Công trình Thủy Điện Lai Châu	109.792.914.012	19.821.758.670
Công trình Thủy Điện Trung Sơn	9.008.624.219	-
Gia công lắp dựng cầu Huổi Mong	142.022.542	-
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.593.265.640</i>	<i>1.565.625.572</i>
Cung cấp điện	744.965.680	1.021.303.259
Gia công, chế tạo cơ khí nhỏ, sửa chữa xe, máy	1.839.300.860	544.322.313
Vận chuyển	8.999.100	-
<i>Giá vốn bán hàng hóa</i>	<i>25.800.481.155</i>	<i>3.726.821.020</i>
Nhiên liệu, vật tư, sắm, lắp	25.800.481.155	3.726.821.020
Tổng cộng	156.282.121.978	79.345.535.703
18. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	181.544.506	184.746.909
Cổ tức được chia	69.408.000	74.914.247
Tổng cộng	250.952.506	259.661.156

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

19. Chi phí tài chính	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND	
Lãi tiền vay	4.907.576.296	3.502.908.233	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	531.743.200	811.984.000	
Tổng cộng	5.439.319.496	4.314.892.233	
20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND	
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	183.290.599.430	96.295.456.426	
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	174.060.267.583	90.057.526.249	
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	9.230.331.847	6.237.930.177	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	
Chi phí tính thuế TNDN trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.307.582.962	1.559.482.544	
Số thuế được giảm 30% theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	692.274.889	-	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.615.308.073	1.559.482.544	
21. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND	
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.233.511.590	23.336.296.901	
Chi phí nhân công	17.269.294.645	18.800.154.090	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.006.674.005	4.017.443.981	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.239.926.610	43.969.597.614	
Chi phí khác bằng tiền	11.411.886.183	1.577.113.743	
Tổng cộng	136.161.293.033	91.700.606.329	
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.432.605.763	4.658.283.782	
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-	
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.432.605.763	4.658.283.782	
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.906.059	4.872.185	
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.515	956	
VII. Những thông tin khác			
1. Thông tin về các bên liên quan			
1.1 Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu			
Chi nhánh Sông Đà 902	Cùng công ty mẹ	642.875.273	395.173.690
Chi nhánh Sông Đà 907	Cùng công ty mẹ	1.772.746.364	474.188.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Cty TNHH ITV SĐ 908	Cùng công ty mẹ	8.342.435.568	1.476.452.762
Ban QLDA Thủy điện Nậm Khánh	Cùng công ty mẹ	-	15.372.015.333
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	16.268.396.227	17.054.803.662
Chi nhánh Sông Đà 903	Cùng công ty mẹ	78.481.818	-
Chi nhánh Sông Đà 9.10	Cùng công ty mẹ	176.000.000	-
Mua hàng			
Chi nhánh Sông Đà 902	Cùng công ty mẹ	59.484.214	-
Chi nhánh Sông Đà 905	Cùng công ty mẹ	-	95.872.235
Chi nhánh Sông Đà 907	Cùng công ty mẹ	92.858.377	119.878.284
Chi nhánh Sông Đà 903	Cùng công ty mẹ	246.335.661	-
Chi nhánh Sông Đà 908	Cùng công ty mẹ	3.584.075.556	-
Công ty CP Sông Đà 909	Cùng công ty mẹ	527.787.086	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	294.545.286	69.172.727
1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm		Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
Lương		1.136.354.460	677.204.714
Tổng cộng		1.136.354.460	677.204.714
1.3 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với Công ty	31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Các khoản phải thu			
Ban Quản lý thủy điện Nậm Khánh	Cùng công ty mẹ	-	1.705.226.655
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Cùng công ty mẹ	3.592.449.056	3.592.449.056
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	11.650.820.553	6.340.048.150
Chi nhánh Sông Đà 905	Cùng công ty mẹ	-	28.646.643
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	Cùng công ty mẹ	-	18.680.646
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ	1.994.905.367	1.994.905.367
2. Những thông tin khác			
2.1 Phải thu của khách hàng		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long		5.416.212.737	1.901.172.598
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp chất thải công nghiệp dầu khí		6.248.083.094	16.048.083.094
Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu		11.897.980.471	10.754.752.897
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu		3.592.449.056	3.592.449.056
Ban Quản lý thủy điện Nậm Khánh		-	1.705.226.655
Công ty Cổ phần Sông Đà 9		11.478.339.009	6.167.566.606
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		1.268.112.512	-
Chi nhánh Sông Đà 705		10.613.474	-
Ban QLDA Thủy điện Hòa Na		369.652.129	369.652.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Chi nhánh Tổng Công ty Thành An tại Hòa Bình	266.288.815	266.288.815
Ban điều hành DA Thủy điện Sơn La	48.538.773	-
Công ty CP ĐT và PT Toàn Cầu	543.569.000	-
Các đối tượng khác	161.354.063	237.237.737

Tổng cộng

41.301.193.133	41.042.429.587
-----------------------	-----------------------

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Nguyên Thành	-	354.000.000
Công ty CP tư vấn và xây dựng Vạn Xuân	150.000.000	-
Công ty Cổ phần La Ca	769.743.000	769.743.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Anh Tuấn	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Nam Kinh	-	56.760.000
Nguyễn Thị Vân	376.200.000	-
Công ty CP Sông Đà 7.04	118.637.000	-
Công ty TNHH TM và XD Năng Lượng	100.000.000	-
Công ty TNHH TM và XD Khánh Ngọc	100.000.000	-
Các đối tượng khác	371.231.526	149.856.718

Tổng cộng

2.035.811.526	1.380.359.718
----------------------	----------------------

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	2.092.052.383	1.800.764.566
Tạm ứng phục vụ sản xuất	1.790.553.700	1.617.990.286
Tạm ứng lương cho cán bộ công nhân viên	301.498.683	182.774.280

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn

393.732.500	-
-------------	---

Tổng cộng

2.485.784.883	1.800.764.566
----------------------	----------------------

2.4 Phải trả người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - Chi nhánh 907	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Tùng	-	412.474.557
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	216.723.273	2.383.956.000
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	923.503.424	635.406.223
Công ty TNHH Tuấn Hoài	-	77.010.842
Công ty Cổ phần Đầu tư Tư vấn và Xây dựng Việt Nam	-	56.525.279
Công ty TNHH Thương mại Thịnh Hào	-	28.936.400
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị hàn cắt QT VINASHIN	183.407.551	183.407.551
Hợp tác xã và Xây dựng Đức Thịnh	-	177.574.000
Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội	115.015.529	115.015.529
Công ty TNHH INOX Thiên Hà	-	27.432.716

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty Xăng dầu Điện Biên	-	123.505.408
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tùng	-	443.476.049
Công ty TNHH Sơn Hà	-	115.000.000
Công ty CP vận tải và dịch vụ	222.479.220	-
Công ty CP Vật tải thương mại và Xây dựng Xuân Thiệu	-	133.800.000
Công ty TNHH MTV Đông Bắc	226.379.283	760.504.283
Công ty TNHH Xuân Đài	265.733.500	-
Công ty Cổ Phần Cơ khí điện lực	1.333.323.409	-
Công ty TNHH Sản xuất thùng xe chuyên dụng KPI	-	5.880.000.000
Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng	683.826.415	863.847.378
Xí nghiệp Sông Đà 508	355.915.432	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình	-	3.555.127.514
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Toàn Đức	-	446.187.507
Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Sông Thao	-	532.138.000
Công ty TNHH Thành Long	273.983.250	-
Công ty TNHH Nguyên Thành	100.918.545	-
Công ty TNHH Vĩnh Ngọc	482.252.000	-
Công ty TNHH Vật tư và Xây dựng công trình Thái Sơn	-	28.797.052
Công ty TNHH Đại Minh	1.235.516.747	8.694.862.428
Các đối tượng khác	553.636.901	631.234.052

Tổng cộng

7.172.614.479 26.306.218.768

2.5 Người mua trả tiền trước

	01/01/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.881.530.000	6.342.233.349
BQL DA đường thủy nội địa phía Bắc	12.622.537.486	-
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	7.356.767.023	20.072.682.249
Công ty CP Đầu tư và Xử lý chất thải công nghiệp dầu khí Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Băng Dương	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	8.240.003.328	1.994.905.367

Tổng cộng

31.600.837.837 29.959.820.965

2.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.610.381.753	3.009.665.597
Chi phí vật liệu quản lý	708.224.635	471.985.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	433.647.294	340.652.644
Chi phí khấu hao TSCĐ	637.271.118	418.337.335
Thuế, phí và lệ phí	685.847.086	193.940.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	643.900.610	603.633.675
Chi phí bằng tiền khác	1.888.890.358	1.383.172.967
Tổng cộng	11.608.162.854	6.421.388.289

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

(tiếp theo)

2.7 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu tiền mua hồ sơ mời thầu	-	12.000.000
Thu tiền bán thép phế liệu	-	129.396.150
Thu tiền thanh lý tài sản	481.545.455	-
Thu nhập khác	15.409.000	-
Tổng cộng	496.954.455	141.396.150

2.8 Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	97.401.633	30.704.789
Chi phí thanh lý tài sản	259.378.807	-
Tiền nộp phạt thuế	104.398.128	3.000.000
Tổng cộng	461.178.568	33.704.789

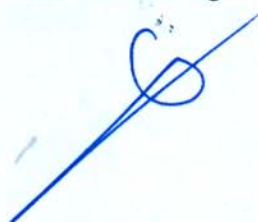
2.9 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Kế toán trưởng



Trần Kim Sơn

Giám đốc



Nguyễn Công Hùng